

Pool # 1	Strip #	Time	Referee(s)
--------------------	---------	------	------------



Pool ID #362

		1	2	3	4	5	6	7	V	TS	TR	Ind	PI
坪井, 玲奈 香川JR.FC	1		D3	V5	V5	V5	V5	V5	5	28	17	+11	2
矢橋, 絆希 はしまろFC	2	V5		V5	V5	V5	V5	V5	6	30	8	+22	1
岡本, 雅 RITZ FENCING ACADEMY	3	D0	D1		D1	V5	D4	V5	2	16	27	-11	5
西村, 侑珠 香川JR.FC	4	D4	D1	V5		V5	D4	V5	3	24	18	+6	4
黒江, 白桃 和歌山JR.FC	5	D4	D1	D3	D2		D3	V5	1	18	26	-8	6
椿, 望璃 広瀬町FC	6	D4	D1	V5	V5	V5		V5	4	25	21	+4	3
安達, 月乃 CRECERFC	7	D0	D1	D4	D0	D1	D0		0	6	30	-24	7

Teammate bout order (21 bouts):

#	Bout	Competitors	Score	Warnings
1	1 vs. 4	坪井, 玲奈 vs. 西村, 侑珠	V5 - D4	
2	2 vs. 5	矢橋, 絆希 vs. 黒江, 白桃	V5 - D1	
3	3 vs. 6	岡本, 雅 vs. 椿, 望璃	D4 - V5	
4	7 vs. 1	安達, 月乃 vs. 坪井, 玲奈	D0 - V5	
5	5 vs. 4	黒江, 白桃 vs. 西村, 侑珠	D2 - V5	
6	2 vs. 3	矢橋, 絆希 vs. 岡本, 雅	V5 - D1	
7	6 vs. 7	椿, 望璃 vs. 安達, 月乃	V5 - D0	
8	5 vs. 1	黒江, 白桃 vs. 坪井, 玲奈	D4 - V5	
9	4 vs. 3	西村, 侑珠 vs. 岡本, 雅	V5 - D1	
10	6 vs. 2	椿, 望璃 vs. 矢橋, 絆希	D1 - V5	
11	5 vs. 7	黒江, 白桃 vs. 安達, 月乃	V5 - D1	
12	3 vs. 1	岡本, 雅 vs. 坪井, 玲奈	D0 - V5	
13	4 vs. 6	西村, 侑珠 vs. 椿, 望璃	D4 - V5	
14	7 vs. 2	安達, 月乃 vs. 矢橋, 絆希	D1 - V5	
15	3 vs. 5	岡本, 雅 vs. 黒江, 白桃	V5 - D3	
16	1 vs. 6	坪井, 玲奈 vs. 椿, 望璃	V5 - D4	
17	2 vs. 4	矢橋, 絆希 vs. 西村, 侑珠	V5 - D1	
18	7 vs. 3	安達, 月乃 vs. 岡本, 雅	D4 - V5	
19	6 vs. 5	椿, 望璃 vs. 黒江, 白桃	V5 - D3	
20	1 vs. 2	坪井, 玲奈 vs. 矢橋, 絆希	D3 - V5	
21	4 vs. 7	西村, 侑珠 vs. 安達, 月乃	V5 - D0	

Referee: _____ Scorekeeper: _____